

THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ngày hiệu lực: 14/04/2025)

Lưu ý : Trường hợp số lượng CK NĐTNN nắm giữ thêm <0 (vượt room), NĐTNN và tổ chức kinh tế có NĐTNN sở hữu trên 50% vốn đi đều lệ chỉ được phép bán CK cho đến khi tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại công ty đã ghi bằng hoặc nhỏ hơn tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa công bố.

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
SÀN HOSE							
1	AAA	100%	382.274.496	7.603.472	1.99%	374.671.024	
2	AAM	49%	6.049.741	118.227	0.96%	5.931.514	
3	AAT	50%	35.409.551	563.192	0.80%	34.846.359	
4	ABR	49%	9.800.000	9.684.300	48.42%	115.700	
5	ABS	0%	0	1.352	0%	-1.352	
6	ABT	50%	7.193.603	317.245	2.21%	6.876.358	
7	ACB	30%	1.339.997.373	1.331.358.831	29.81%	8.638.542	
8	ACC	0%	0	8.055.131	7.67%	-8.055.131	
9	ACG	50%	75.393.973	58.125.465	38.55%	17.268.508	
10	ACL	39.54%	19.832.876	1.143.259	2.28%	18.689.617	
11	ADG	65%	13.897.338	9.759.174	45.65%	4.138.164	
12	ADP	100%	23.039.850	196.240	0.85%	22.843.610	
13	ADS	50%	38.197.363	115.341	0.15%	38.082.022	
14	AGG	50%	81.264.040	1.445.512	0.89%	79.818.528	
15	AGM	0%	0	101.890	0.56%	-101.890	
16	AGR	100%	215.391.309	594.234	0.28%	214.797.075	
17	ANV	49%	130.667.075	1.748.086	0.66%	128.918.989	
18	APG	100%	223.621.942	32.633.570	14.59%	190.988.372	
19	APH	100%	243.884.268	68.295.897	28%	175.588.371	
20	ASG	30%	27.235.400	671.792	0.74%	26.563.608	
21	ASM	49%	181.387.342	45.955.044	12.41%	135.432.298	
22	ASP	49%	18.296.565	18.291.964	48.99%	4.601	
23	AST	49%	22.050.000	19.833.630	44.07%	2.216.370	
24	ATP	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	(*)
25	BAF	50%	119.510.821	10.336.799	4.32%	109.174.022	
26	BBC	50%	9.376.343	126.488	0.67%	9.249.855	
27	BCE	49%	17.150.000	552.784	1.58%	16.597.216	
28	BCG	50%	440.105.322	12.363.094	1.4%	427.742.228	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NDTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
29	BCM	34%	351.900.000	20.625.405	1.99%	331.274.595	
30	BFC	50%	28.583.996	1.302.720	2.28%	27.281.276	
31	BHN	49%	113.582.000	40.709.205	17.56%	72.872.795	
32	BIC	49%	57.465.678	53.363.698	45.5%	4.101.980	
33	BID	30%	2.106.408.575	1.235.817.462	17.6%	870.591.113	
34	BKG	50%	35.804.510	72.140	0.10%	35.732.370	
35	BMC	49%	6.072.388	679.652	5.48%	5.392.736	
36	BMI	49%	64.994.980	39.527.387	29.8%	25.467.593	
37	BMP	100%	81.860.938	68.136.510	83.23%	13.724.428	
38	BRC	50%	6.187.498	166.247	1.34%	6.021.251	
39	BSI	100%	223.060.701	89.567.479	40.15%	133.493.222	
40	BSR	49%	1.519.244.811	9.064.593	0.29%	1.510.180.218	
41	BTP	49%	29.637.944	5.141.980	8.5%	24.495.964	
42	BTB	0%	0	662.943	4.91%	-662.943	
43	BVH	49%	363.738.154	197.984.906	26.67%	165.753.248	
44	BWE	49%	107.765.035	24.446.860	11.12%	83.318.175	
45	C32	50%	7.515.072	157.271	1.05%	7.357.801	
46	C47	0%	0	16.323	0.04%	-16.323	
47	CACB2403	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
48	CACB2404	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
49	CACB2405	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
50	CACB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
51	CACB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
52	CACB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
53	CACB2504	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
54	CACB2505	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
55	CACB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
56	CCI	0%	0	417.550	2.35%	-417.550	
57	CCL	50%	29.790.709	995.745	1.67%	28.794.964	
58	CDC	49%	10.774.470	93.585	0.43%	10.680.885	
59	CFPT2402	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
60	CFPT2403	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
61	CFPT2404	100%	12.000.000	24.720	0.21%	11.975.280	
62	CFPT2405	100%	2.000.000	3.500	0.18%	1.996.500	
63	CFPT2407	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
64	CFPT2501	100%	5.000.000	15.000	0.30%	4.985.000	
65	CFPT2502	100%	10.000.000	15.000	0.15%	9.985.000	
66	CFPT2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
67	CFPT2504	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
68	CFPT2505	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
69	CFPT2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
70	CFPT2507	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
71	CFPT2508	100%	1.000.000	16.100	1.61%	983.900	
72	CFPT2509	100%	2.000.000	1.000.000	50%	0	(*)
73	CFPT2510	100%	2.000.000	1.000.000	50%	0	(*)
74	CHDB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
75	CHP	0%	0	5.573.776	3.79%	-5.573.776	
76	CHPG2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
77	CHPG2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
78	CHPG2407	100%	35.000.000	1.100	0%	34.998.900	
79	CHPG2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
80	CHPG2409	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
81	CHPG2410	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
82	CHPG2412	100%	8.000.000	4.073.500	50.92%	3.926.500	
83	CHPG2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
84	CHPG2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
85	CHPG2503	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
86	CHPG2504	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
87	CHPG2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
88	CHPG2506	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
89	CHPG2507	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
90	CHPG2508	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
91	CHPG2509	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
92	CHPG2510	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
93	CIG	0%	0	11.413	0.02%	-11.413	
94	CII	40%	219.190.633	19.294.962	3.52%	199.895.671	
95	CKG	0%	0	17.321	0.02%	-17.321	
96	CLC	49%	12.841.715	533.737	2.04%	12.307.978	
97	CLL	49%	16.660.000	3.219.101	9.47%	13.440.899	
98	CLW	49%	6.370.000	612.990	4.72%	5.757.010	
99	CMBB2402	100%	11.000.000	800.000	7.27%	10.200.000	
100	CMBB2405	100%	27.000.000	0	0%	27.000.000	
101	CMBB2406	100%	33.000.000	0	0%	33.000.000	
102	CMBB2407	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
103	CMBB2409	100%	1.000.000	181.400	18.14%	818.600	
104	CMBB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
105	CMBB2502	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
106	CMBB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
107	CMBB2504	100%	6.000.000	52.000	0.87%	5.948.000	
108	CMBB2505	100%	2.500.000	800.000	32%	1.700.000	
109	CMBB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
110	CMBB2507	100%	1.500.000	2.000	0.13%	1.498.000	
111	CMBB2508	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
112	CMG	50%	105.669.803	76.652.734	36.27%	29.017.069	
113	CMSN2404	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
114	CMSN2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
115	CMSN2406	100%	6.000.000	54.000	0.90%	5.946.000	
116	CMSN2408	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
117	CMSN2501	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
118	CMSN2502	100%	14.000.000	0	0%	14.000.000	
119	CMSN2503	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
120	CMSN2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
121	CMSN2505	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
122	CMSN2506	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
123	CMSN2508	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
124	CMSN2510	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
125	CMV	0%	0	6.903	0.04%	-6.903	
126	CMWG2401	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
127	CMWG2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
128	CMWG2406	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
129	CMWG2407	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
130	CMWG2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
131	CMWG2410	100%	1.500.000	33.000	2.2%	1.467.000	
132	CMWG2501	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
133	CMWG2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
134	CMWG2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
135	CMWG2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
136	CMWG2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
137	CMWG2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
138	CMWG2507	100%	3.000.000	1.500.000	50%	0	(*)
139	CMWG2508	100%	3.000.000	1.500.000	50%	0	(*)
140	CMX	50%	50.949.495	18.608.712	18.26%	32.340.783	
141	CNG	49%	17.198.816	844.475	2.41%	16.354.341	
142	COM	49%	6.919.107	27.720	0.20%	6.891.387	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
143	CRC	0%	0	41.080	0.07%	-41.080	
144	CRE	50%	231.839.267	18.146.510	3.91%	213.692.757	
145	CRV	50%	336.208.320	0	0%	336.208.320	(*)
146	CSHB2401	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
147	CSHB2403	100%	4.000.000	1.654.500	41.36%	2.345.500	
148	CSHB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
149	CSM	50%	51.813.233	856.068	0.83%	50.957.165	
150	CSTB2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
151	CSTB2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
152	CSTB2409	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
153	CSTB2410	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
154	CSTB2411	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
155	CSTB2413	100%	8.000.000	7.551.700	94.4%	448.300	
156	CSTB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
157	CSTB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
158	CSTB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
159	CSTB2504	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
160	CSTB2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
161	CSTB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
162	CSTB2510	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
163	CSTB2511	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
164	CSTB2512	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
165	CSV	50%	55.249.955	2.327.853	2.11%	52.922.102	
166	CTCB2403	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
167	CTCB2404	100%	3.000.000	10.000	0.33%	2.990.000	
168	CTCB2406	100%	1.000.000	70.200	7.02%	929.800	
169	CTCB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
170	CTCB2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
171	CTCB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
172	CTCB2504	100%	2.000.000	165.200	8.26%	1.834.800	
173	CTCB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
174	CTCB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
175	CTD	49%	50.780.297	50.757.196	48.98%	23.101	
176	CTF	49%	46.870.390	1.110.726	1.16%	45.759.664	
177	CTG	30%	1.610.997.524	1.441.928.404	26.85%	169.069.120	
178	CTI	49%	30.869.998	366.260	0.58%	30.503.738	
179	CTPB2403	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
180	CTPB2405	100%	1.000.000	100	0.01%	999.900	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
181	CTPB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
182	CTR	49%	56.049.080	9.207.525	8.05%	46.841.555	
183	CTS	49%	72.881.772	722.799	0.49%	72.158.973	
184	CVHM2406	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
185	CVHM2407	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
186	CVHM2408	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
187	CVHM2409	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
188	CVHM2411	100%	4.000.000	3.887.900	97.2%	112.100	
189	CVHM2501	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
190	CVHM2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
191	CVHM2503	100%	1.500.000	20.100	1.34%	1.479.900	
192	CVHM2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
193	CVHM2505	100%	16.000.000	8.000.000	50%	0	(*)
194	CVIB2402	100%	10.000.000	10.000	0.10%	9.990.000	
195	CVIB2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
196	CVIB2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
197	CVIB2407	100%	9.000.000	21.500	0.24%	8.978.500	
198	CVIB2408	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
199	CVIB2501	100%	23.000.000	0	0%	23.000.000	
200	CVIB2502	100%	13.000.000	0	0%	13.000.000	
201	CVIB2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
202	CVIC2404	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
203	CVIC2405	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
204	CVIC2407	100%	4.000.000	3.061.200	76.53%	938.800	
205	CVIC2501	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
206	CVIC2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
207	CVIC2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
208	CVJC2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
209	CVJC2503	100%	6.000.000	3.000.000	50%	0	(*)
210	CVNM2401	100%	8.000.000	370.000	4.63%	7.630.000	
211	CVNM2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
212	CVNM2406	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
213	CVNM2407	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
214	CVNM2501	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
215	CVNM2502	100%	10.000.000	15.000	0.15%	9.985.000	
216	CVNM2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
217	CVNM2504	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
218	CVNM2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
219	CVNM2506	100%	8.000.000	4.000.000	50%	0	(*)
220	CVNM2507	100%	6.000.000	3.000.000	50%	0	(*)
221	CVNM2508	100%	8.000.000	4.000.000	50%	0	(*)
222	CVNM2509	100%	4.000.000	2.000.000	50%	0	(*)
223	CVPB2401	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
224	CVPB2407	100%	40.000.000	0	0%	40.000.000	
225	CVPB2408	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
226	CVPB2409	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
227	CVPB2410	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
228	CVPB2412	100%	4.000.000	1.968.300	49.21%	2.031.700	
229	CVPB2501	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
230	CVPB2502	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
231	CVPB2503	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
232	CVPB2504	100%	3.000.000	200.000	6.67%	2.800.000	
233	CVPB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
234	CVPB2506	100%	6.000.000	4.364.400	72.74%	1.635.600	
235	CVRE2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
236	CVRE2406	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
237	CVRE2407	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
238	CVRE2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
239	CVRE2410	100%	4.000.000	945.800	23.65%	3.054.200	
240	CVRE2501	100%	9.000.000	2.000	0.02%	8.998.000	
241	CVRE2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
242	CVRE2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
243	CVRE2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
244	CVRE2505	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
245	CVT	50%	18.345.443	165.803	0.45%	18.179.640	
246	D2D	50%	15.152.379	306.693	1.01%	14.845.686	
247	DAH	0%	0	3.030	0%	-3.030	
248	DAT	0%	0	5.502	0.01%	-5.502	
249	DBC	49%	163.987.881	6.065.487	1.81%	157.922.394	
250	DBD	100%	93.593.847	13.876.522	14.83%	79.717.325	
251	DBT	0%	0	238.133	1.16%	-238.133	
252	DC4	50%	43.311.950	798.780	0.92%	42.513.170	
253	DCL	0%	0	813.293	1.11%	-813.293	
254	DCM	49%	259.406.000	27.174.141	5.13%	232.231.859	
255	DGC	49%	186.091.850	58.316.597	15.36%	127.775.253	
256	DGW	49%	107.466.882	41.119.076	18.75%	66.347.806	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
257	DHA	49%	7.408.773	1.578.792	10.44%	5.829.981	
258	DHC	50%	40.246.524	30.429.675	37.8%	9.816.849	
259	DHG	100%	130.746.071	70.262.126	53.74%	60.483.945	
260	DHM	0%	0	45.580	0.13%	-45.580	
261	DIG	49%	298.827.477	14.836.701	2.43%	283.990.776	
262	DLG	49%	146.661.762	18.920.827	6.32%	127.740.935	
263	DMC	100%	34.727.465	19.670.726	56.64%	15.056.739	
264	DPG	49%	30.869.781	4.701.440	7.46%	26.168.341	
265	DPM	49%	191.786.000	33.343.186	8.52%	158.442.814	
266	DPR	50%	43.442.966	4.257.528	4.9%	39.185.438	
267	DQC	49%	16.836.113	201.481	0.59%	16.634.632	
268	DRC	0%	0	9.990.406	8.41%	-9.990.406	
269	DRH	50%	62.176.933	1.491.024	1.2%	60.685.909	
270	DRL	0%	0	277.270	2.92%	-277.270	
271	DSC	100%	204.838.925	30.850	0.02%	204.808.075	
272	DSE	100%	330.000.000	44.035.067	13.34%	285.964.933	
273	DSN	49%	5.920.674	1.834.297	15.18%	4.086.377	
274	DTA	49%	8.849.317	35.704	0.20%	8.813.613	
275	DTL	49%	30.103.445	395	0%	30.103.050	
276	DTT	49%	3.994.391	17.604	0.22%	3.976.787	
277	DVP	49%	19.600.000	5.235.392	13.09%	14.364.608	
278	DXG	50%	436.298.734	180.676.617	20.71%	255.622.117	
279	DXS	50%	289.551.562	118.503.759	20.46%	171.047.803	
280	DXV	49%	4.851.000	53.750	0.54%	4.797.250	
281	E1VFN30	100%	233.500.000	195.047.922	83.53%	38.452.078	
282	EIB	29.97043%	560.090.574	68.098.848	3.64%	491.991.726	
283	ELC	49%	42.852.423	2.654.111	3.03%	40.198.312	
284	EVE	100%	41.979.773	28.060.048	66.84%	13.919.725	
285	EVF	15%	114.084.870	1.963.684	0.26%	112.121.186	
286	EVG	49%	105.472.419	787.569	0.37%	104.684.850	
287	FCM	49%	22.651.046	1.305.499	2.82%	21.345.547	
288	FCN	50%	78.719.502	49.271.216	31.3%	29.448.286	
289	FDC	50%	19.314.994	6.831	0.02%	19.308.163	
290	FIR	50%	32.122.640	87.805	0.14%	32.034.835	
291	FIT	0%	0	96.751	0.03%	-96.751	
292	FMC	50%	32.694.444	20.375.920	31.16%	12.318.524	
293	FPT	49%	720.823.899	616.859.345	41.93%	103.964.554	
294	FRT	49%	66.758.770	43.226.015	31.73%	23.532.755	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
295	FTS	100%	305.919.366	91.032.833	29.76%	214.886.533	
296	FUCTVGF3	49%	9.751.392	0	0%	9.751.392	
297	FUCTVGF4	49%	9.829.400	0	0%	9.829.400	
298	FUCTVGF5	49%	8.467.200	80.000	0.46%	8.387.200	
299	FUCVREIT	49%	2.450.000	85.720	1.71%	2.364.280	
300	FUEABVND	100%	7.400.000	646.279	8.73%	6.753.721	
301	FUEBFVND	100%	3.800.000	0	0%	3.800.000	
302	FUEDCMID	100%	28.300.000	22.962.710	81.14%	5.337.290	
303	FUEFCV50	100%	5.600.000	103.925	1.86%	5.496.075	
304	FUEIP100	100%	5.300.000	119.400	2.25%	5.180.600	
305	FUEKIV30	100%	207.700.000	196.579.500	94.65%	11.120.500	
306	FUEKIVFS	100%	22.200.000	18.555.800	83.58%	3.644.200	
307	FUEKIVND	100%	7.800.000	7.673.100	98.37%	126.900	
308	FUEMAV30	100%	48.200.000	44.113.787	91.52%	4.086.213	
309	FUEMAVN D	100%	22.400.000	20.996.198	93.73%	1.403.802	
310	FUESSV30	100%	9.200.000	2.377.232	25.84%	6.822.768	
311	FUESSV50	100%	6.100.000	1.796.269	29.45%	4.303.731	
312	FUESSVFL	100%	19.000.000	8.537.149	44.93%	10.462.851	
313	FUETCC50	100%	6.300.000	0	0%	6.300.000	
314	FUEVFNND	100%	346.300.000	313.791.873	90.61%	32.508.127	
315	FUEVN100	100%	28.100.000	979.371	3.49%	27.120.629	
316	GAS	49%	1.147.909.730	40.494.981	1.73%	1.107.414.749	
317	GDT	50%	11.941.778	2.561.448	10.72%	9.380.330	
318	GEE	50%	152.500.000	524.751	0.17%	151.975.249	
319	GEG	50%	211.254.185	193.126.009	45.71%	18.128.176	
320	GEX	50%	429.714.896	91.275.419	10.62%	338.439.478	
321	GIL	50%	50.800.033	1.691.865	1.67%	49.108.168	
322	GMD	49%	205.894.231	173.008.089	41.17%	32.886.142	
323	GMH	50%	8.250.000	119.700	0.73%	8.130.300	
324	GSP	0%	0	423.338	0.69%	-423.338	
325	GTA	49%	5.096.000	10.084	0.10%	5.085.916	
326	GVR	13%	520.000.000	31.004.810	0.78%	488.995.190	
327	HAG	49%	518.159.294	24.549.249	2.32%	493.610.045	
328	HAH	30%	36.402.927	11.642.933	9.6%	24.759.994	
329	HAP	49%	54.437.908	2.283.080	2.06%	52.154.828	
330	HAR	49%	49.661.549	2.548.232	2.51%	47.113.317	
331	HAS	49%	3.920.000	1.229.994	15.37%	2.690.006	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
332	HAX	50%	53.719.840	25.110.293	23.37%	28.609.547	
333	HCD	0%	0	73.321	0.20%	-73.321	
334	HCM	49%	353.197.650	304.356.577	42.22%	48.841.073	
335	HDB	17.5%	614.274.894	592.991.967	16.89%	21.282.927	
336	HDC	49%	87.393.933	5.325.182	2.99%	82.068.751	
337	HDG	50%	168.165.764	66.291.798	19.71%	101.873.966	
338	HHP	49%	42.411.628	5.897.343	6.81%	36.514.285	
339	HHS	50%	183.992.984	4.623.936	1.26%	179.369.048	
340	HHV	49%	211.805.208	29.698.636	6.87%	182.106.572	
341	HID	49%	37.614.865	334.583	0.44%	37.280.282	
342	HII	50%	36.831.508	476.207	0.65%	36.355.301	
343	HMC	0%	0	116.330	0.43%	-116.330	
344	HNA	0%	0	1.000	0%	-1.000	
345	HPG	49%	3.134.162.598	1.366.377.932	21.36%	1.767.784.666	
346	HPX	49%	149.042.604	369.013	0.12%	148.673.591	
347	HQC	50%	288.300.000	5.492.851	0.95%	282.807.149	
348	HRC	0%	0	180.416	0.60%	-180.416	
349	HSG	49%	304.281.331	44.534.663	7.17%	259.746.668	
350	HSL	49%	18.898.007	770.006	2%	18.128.001	
351	HT1	49%	186.979.056	5.102.566	1.34%	181.876.490	
352	HTG	0%	0	7.165	0.02%	-7.165	
353	HTI	50%	12.474.600	2.922.904	11.72%	9.551.696	
354	HTL	49%	5.880.000	3.633.669	30.28%	2.246.331	
355	HTN	49%	43.667.041	656.595	0.74%	43.010.446	
356	HTV	0%	0	772.270	5.89%	-772.270	
357	HU1	50%	5.000.000	1.701	0.02%	4.998.299	
358	HUB	50%	13.149.218	298.423	1.13%	12.850.795	
359	HVH	49%	19.915.966	543.820	1.34%	19.372.146	
360	HVN	30%	664.318.252	181.450.955	8.19%	482.867.297	
361	HVX	47.153%	19.580.401	400.400	0.96%	19.180.001	
362	ICT	100%	32.185.000	85.772	0.27%	32.099.228	
363	IDI	49%	133.854.607	2.145.400	0.79%	131.709.207	
364	IJC	49%	185.096.708	18.415.251	4.88%	166.681.457	
365	ILB	49%	12.666.251	3.363.719	13.01%	9.302.532	
366	IMP	75%	115.532.071	76.071.924	49.38%	39.460.147	
367	ITC	0%	0	258.163	0.27%	-258.163	
368	ITD	49%	12.021.459	310.216	1.26%	11.711.243	
369	JVC	49%	55.125.083	2.342.662	2.08%	52.782.421	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
370	KBC	49%	376.126.331	144.127.954	18.78%	231.998.377	
371	KDC	50%	144.903.158	52.126.669	17.99%	92.776.489	
372	KDH	50%	505.571.282	365.621.120	36.16%	139.950.162	
373	KHG	49%	220.223.250	2.683.056	0.60%	217.540.194	
374	KHP	0%	0	753.370	1.25%	-753.370	
375	KMR	100%	56.881.443	35.625.222	62.63%	21.256.221	
376	KOS	49%	106.075.854	199.872	0.09%	105.875.982	
377	KPF	49%	29.824.948	86.224	0.14%	29.738.724	
378	KSB	49%	56.241.760	4.542.474	3.96%	51.699.286	
379	L10	49%	4.846.100	94.143	0.95%	4.751.957	
380	LAF	49%	7.461.729	388.203	2.55%	7.073.526	
381	LBM	50%	20.000.000	6.058.294	15.15%	13.941.706	
382	LCG	50%	97.545.585	4.195.129	2.15%	93.350.456	
383	LDG	50%	128.486.292	3.564.291	1.39%	124.922.001	
384	LEC	49%	12.789.000	3.132	0.01%	12.785.868	
385	LGC	49%	94.498.834	86.756.074	44.99%	7.742.760	
386	LGL	50%	25.750.000	236.241	0.46%	25.513.759	
387	LHG	49%	24.505.884	8.430.077	16.86%	16.075.807	
388	LIX	50%	32.400.000	1.946.333	3%	30.453.667	
389	LM8	0%	0	43.886	0.47%	-43.886	
390	LPB	5%	149.364.105	23.740.299	0.79%	125.623.806	
391	LSS	0%	0	523.902	0.65%	-523.902	
392	MBB	23.2351%	1.417.869.154	1.350.569.479	22.13%	67.299.675	
393	MCM	100%	110.000.000	329.820	0.30%	109.670.180	
394	MCP	0%	0	28.165	0.16%	-28.165	
395	MDG	49%	5.335.625	300	0%	5.335.325	
396	MHC	49%	21.303.395	389.249	0.90%	20.914.146	
397	MIG	100%	198.573.375	33.001.360	16.62%	165.572.015	
398	MSB	30%	780.000.000	709.744.929	27.3%	70.255.071	
399	MSH	49%	36.756.909	3.643.766	4.86%	33.113.143	
400	MSN	49%	741.334.762	376.922.901	24.91%	364.411.861	
401	MWG	49%	716.499.646	678.157.422	46.38%	38.342.225	
402	NAB	30%	411.765.165	24.902.124	1.81%	386.863.041	
403	NAF	100%	67.979.281	12.917.401	19%	55.061.880	
404	NAV	49%	3.920.000	71.865	0.90%	3.848.135	
405	NBB	50%	50.237.828	470.181	0.47%	49.767.647	
406	NCT	30%	7.850.082	4.090.617	15.63%	3.759.465	
407	NHA	49%	21.645.514	318.847	0.72%	21.326.667	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NDTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
408	NHH	100%	72.880.000	335.860	0.46%	72.544.140	
409	NHT	50%	12.014.084	722.790	3.01%	11.291.294	
410	NKG	50%	223.785.440	24.199.646	5.41%	199.585.794	
411	NLG	50%	192.537.652	146.527.741	38.05%	46.009.911	
412	NNC	49%	10.740.800	1.069.638	4.88%	9.671.162	
413	NO1	49%	11.760.000	1.340.000	5.58%	10.420.000	
414	NSC	49%	8.617.624	1.599.906	9.1%	7.017.718	
415	NT2	49%	141.059.254	38.411.780	13.34%	102.647.474	
416	NTL	49%	59.770.151	16.685.951	13.68%	43.084.200	
417	NVL	49%	955.551.223	78.488.452	4.02%	877.062.771	
418	NVT	50%	45.250.000	110.720	0.12%	45.139.280	
419	OCB	22%	542.473.613	476.017.469	19.3%	66.456.144	
420	OGC	49%	147.000.000	723.416	0.24%	146.276.584	
421	OPC	0%	0	441.927	0.69%	-441.927	
422	ORS	49%	164.639.874	5.011.022	1.49%	159.628.852	
423	PAC	50%	23.235.853	5.550.864	11.94%	17.684.989	
424	PAN	49%	105.984.344	44.809.223	20.72%	61.175.121	
425	PC1	50%	178.821.060	58.403.591	16.33%	120.417.469	
426	PDN	0%	0	87.969	0.24%	-87.969	
427	PDR	50%	436.570.041	73.100.222	8.37%	363.469.819	
428	PET	0%	0	916.676	0.85%	-916.676	
429	PGC	49%	29.567.892	1.211.867	2.01%	28.356.025	
430	PGD	49%	48.509.150	46.357.175	46.83%	2.151.975	
431	PGI	100%	110.896.796	22.645.550	20.42%	88.251.246	
432	PGV	50%	561.734.023	228.156	0.02%	561.505.867	
433	PHC	50%	25.340.963	55.725	0.11%	25.285.238	
434	PHR	49%	66.394.607	23.910.879	17.65%	42.483.728	
435	PIT	0%	0	94.925	0.62%	-94.925	
436	PJT	0%	0	168.925	0.68%	-168.925	
437	PLP	49%	34.300.000	270.292	0.39%	34.029.708	
438	PLX	20%	258.775.616	227.038.310	17.55%	31.737.306	
439	PMG	49%	22.704.776	9.344.571	20.17%	13.360.205	
440	PNC	49%	5.409.718	56.007	0.51%	5.353.711	
441	PNJ	49%	165.656.640	159.244.829	47.1%	6.411.811	
442	POW	49%	1.147.517.084	85.926.324	3.67%	1.061.590.760	
443	PPC	49%	159.855.150	29.809.689	9.14%	130.045.461	
444	PSH	0%	0	100	0%	-100	
445	PTB	25%	16.734.600	12.483.728	18.65%	4.250.872	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
446	PTC	50%	16.153.662	197.498	0.61%	15.956.164	
447	PTL	0%	0	65.844	0.07%	-65.844	
448	PVD	49%	272.585.042	45.439.235	8.17%	227.145.807	
449	PVP	49%	50.814.201	3.509.625	3.38%	47.304.576	
450	PVT	49%	174.446.192	43.135.234	12.12%	131.310.958	
451	QCG	49%	134.813.361	3.511.019	1.28%	131.302.342	
452	QNP	0%	0	0	0%	0	
453	RAL	50%	11.773.709	454.512	1.93%	11.319.197	
454	RDP	50%	24.534.901	174.237	0.36%	24.360.664	
455	REE	49%	230.796.566	230.786.599	49%	9.967	
456	RYG	50%	22.500.000	5.600	0.01%	22.494.400	
457	S4A	0%	0	41.710	0.10%	-41.710	
458	SAB	100%	1.282.562.372	761.943.676	59.41%	520.618.696	
459	SAM	49%	186.180.875	1.979.801	0.52%	184.201.074	
460	SAV	50%	12.594.982	12.594.638	50%	344	
461	SBA	0%	0	159.967	0.26%	-159.967	
462	SBG	50%	24.999.981	946.201	1.89%	24.053.780	
463	SBT	100%	836.156.371	178.191.531	21.31%	657.964.840	
464	SBV	100%	27.366.476	4.023.456	14.7%	23.343.020	
465	SC5	49%	7.342.429	340.166	2.27%	7.002.263	
466	SCR	50%	215.297.518	2.528.247	0.59%	212.769.271	
467	SCS	30%	30.623.094	17.524.636	17.17%	13.098.458	
468	SFC	0%	0	74.057	0.66%	-74.057	
469	SFG	0%	0	97.473	0.20%	-97.473	
470	SFI	49%	12.194.652	2.505.032	10.07%	9.689.620	
471	SGN	30%	10.074.507	9.081.308	27.04%	993.199	
472	SGR	0%	0	6.035	0.01%	-6.035	
473	SGT	0%	0	8.201.799	5.54%	-8.201.799	
474	SHA	49%	16.388.870	289.193	0.86%	16.099.677	
475	SHB	30%	1.219.724.100	130.077.394	3.2%	1.089.646.706	
476	SHI	49%	79.466.460	453.827	0.28%	79.012.633	
477	SHP	0%	0	5.304.109	5.24%	-5.304.109	
478	SIP	49%	103.161.367	12.799.925	6.08%	90.361.442	
479	SJD	50%	34.499.310	5.193.255	7.53%	29.306.055	
480	SJS	50%	57.427.770	718.274	0.63%	56.709.496	
481	SKG	49%	32.583.871	27.163.176	40.85%	5.420.695	
482	SMA	49%	9.972.889	10.418	0.05%	9.962.471	
483	SMB	49%	14.624.857	4.130.839	13.84%	10.494.018	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
484	SMC	100%	73.678.587	14.985.216	20.34%	58.693.371	
485	SPM	49%	6.860.000	299.490	2.14%	6.560.510	
486	SRC	0%	0	21.957	0.08%	-21.957	
487	SRF	100%	35.566.780	16.326.000	45.9%	19.240.780	
488	SSB	5%	142.250.000	4.018.792	0.14%	138.231.208	
489	SSC	49%	7.346.259	125.608	0.84%	7.220.651	
490	SSI	100%	1.963.863.918	717.185.716	36.52%	1.246.678.202	
491	ST8	50%	12.860.451	234.361	0.91%	12.626.090	
492	STB	30%	565.564.714	393.876.137	20.89%	171.688.577	
493	STG	34%	33.406.141	29.517.947	30.04%	3.888.194	
494	STK	100%	96.636.924	16.094.325	16.65%	80.542.599	
495	SVC	49%	32.648.976	1.076.250	1.62%	31.572.726	
496	SVD	49%	13.526.894	77.878	0.28%	13.449.016	
497	SVI	100%	12.832.437	12.183.147	94.94%	649.290	
498	SVT	50%	8.655.489	30.965	0.18%	8.624.524	
499	SZC	20%	35.997.172	5.500.268	3.06%	30.496.904	
500	SZL	0%	0	4.779.375	16.42%	-4.779.375	
501	TBC	49%	31.115.000	930.604	1.47%	30.184.396	
502	TCB	22.5136%	1.590.552.461	1.589.901.453	22.5%	651.008	
503	TCD	49%	164.552.114	1.716.483	0.51%	162.835.631	
504	TCH	51%	340.790.079	58.768.924	8.79%	282.021.155	
505	TCI	100%	115.620.964	6.010.953	5.2%	109.610.011	
506	TCL	49%	14.777.633	2.037.224	6.76%	12.740.409	
507	TCM	50%	50.977.741	50.873.456	49.9%	104.285	
508	TCO	0%	0	234.570	0.75%	-234.570	
509	TCR	49%	5.082.863	4.983.644	48.04%	99.219	
510	TCT	0%	0	1.304.040	10.2%	-1.304.040	
511	TDC	50%	50.000.000	958.740	0.96%	49.041.260	
512	TDG	0%	0	1.437	0.01%	-1.437	
513	TDH	50%	56.326.383	1.030.167	0.91%	55.296.216	
514	TDM	50%	55.000.000	3.438.624	3.13%	51.561.376	
515	TDP	51%	44.993.347	98.237	0.11%	44.895.110	
516	TDW	50%	4.250.000	255.810	3.01%	3.994.190	
517	TEG	49%	59.195.215	6.237.742	5.16%	52.957.473	
518	THG	49%	12.711.524	406.138	1.57%	12.305.386	
519	TIP	50%	32.503.928	11.165.703	17.18%	21.338.225	
520	TIK	0%	0	139.259	0.46%	-139.259	
521	TLD	49%	38.093.264	30.614	0.04%	38.062.650	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
522	TLG	100%	86.453.575	18.054.685	20.88%	68.398.890	
523	TLH	49%	55.036.808	1.081.250	0.96%	53.955.558	
524	TMP	49%	34.300.000	561.353	0.80%	33.738.647	
525	TMS	49%	82.980.497	72.118.695	42.59%	10.861.802	
526	TMT	49%	18.270.963	909.098	2.44%	17.361.865	
527	TN1	50%	27.316.174	44.291	0.08%	27.271.883	
528	TNC	50%	9.625.000	109.241	0.57%	9.515.759	
529	TNH	70%	100.926.889	77.245.311	53.58%	23.681.578	
530	TNI	49%	25.725.000	67.688	0.13%	25.657.312	
531	TNT	49%	24.990.000	1.153.259	2.26%	23.836.741	
532	TPB	30%	792.586.858	627.422.733	23.75%	165.164.125	
533	TPC	49%	11.970.992	402.202	1.65%	11.568.790	
534	TRA	49%	20.312.299	19.321.898	46.61%	990.401	
535	TRC	49%	14.700.000	957.716	3.19%	13.742.284	
536	TSC	0%	0	379.518	0.19%	-379.518	
537	TTA	49%	83.328.220	3.324.285	1.95%	80.003.935	
538	TTE	50%	14.245.200	13.370	0.05%	14.231.830	
539	TTF	50%	205.599.151	22.738.551	5.53%	182.860.600	
540	TV2	15%	10.128.924	6.222.149	9.21%	3.906.775	
541	TVB	30%	33.629.105	1.242.657	1.11%	32.386.448	
542	TVS	49%	81.827.684	36.491.204	21.85%	45.336.480	
543	TVT	0%	0	53.090	0.25%	-53.090	
544	TYA	100%	6.134.773	2.349.432	38.3%	3.785.341	
545	UIC	0%	0	795.180	9.94%	-795.180	
546	VAF	49%	18.456.020	9.934	0.03%	18.446.086	
547	VCA	0%	0	19.475	0.13%	-19.475	
548	VCB	30%	1.676.727.378	1.250.617.261	22.38%	426.110.117	
549	VCF	49%	13.023.776	142.549	0.54%	12.881.227	
550	VCG	49%	293.310.794	39.537.995	6.61%	253.772.799	
551	VCI	100%	718.099.480	211.919.322	29.51%	506.180.158	
552	VDP	35%	7.729.187	47.761	0.22%	7.681.426	
553	VDS	100%	243.000.000	6.404.675	2.64%	236.595.325	
554	VFG	51%	21.274.453	622.259	1.49%	20.652.194	
555	VGC	49%	219.691.500	25.744.294	5.74%	193.947.206	
556	VHC	100%	224.453.159	55.283.696	24.63%	169.169.463	
557	VHM	50%	2.053.706.002	502.204.027	12.23%	1.551.501.975	
558	VIB	4.99%	148.658.477	148.547.007	4.99%	111.470	
559	VIC	48.017596%	1.862.402.462	359.218.194	9.26%	1.503.184.268	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
560	VID	50%	20.418.034	432.096	1.06%	19.985.938	
561	VIP	49%	33.550.761	9.378.770	13.7%	24.171.991	
562	VIX	100%	1.458.513.173	129.450.144	8.88%	1.329.063.029	
563	VJC	30%	162.483.400	68.789.909	12.7%	93.693.491	
564	VMD	49%	7.565.731	186.311	1.21%	7.379.420	
565	VND	100%	1.522.299.908	166.615.972	10.95%	1.355.683.936	
566	VNE	49%	44.312.146	807.029	0.89%	43.505.117	
567	VNG	49%	47.665.537	306.250	0.31%	47.359.287	
568	VNL	49%	6.928.838	1.794.993	12.69%	5.133.845	
569	VNM	100%	2.089.955.445	1.030.581.589	49.31%	1.059.373.856	
570	VNS	49%	33.251.004	1.763.119	2.6%	31.487.885	
571	VOS	49%	68.600.000	986.280	0.70%	67.613.720	
572	VPB	30%	2.380.177.080	1.950.675.218	24.59%	429.501.862	
573	VPD	50%	53.294.814	33.181.516	31.13%	20.113.298	
574	VPG	49%	43.323.717	172.906	0.20%	43.150.811	
575	VPH	49%	46.725.322	293.494	0.31%	46.431.828	
576	VPI	49%	156.824.292	38.995.879	12.18%	117.828.413	
577	VPS	49%	11.985.788	9.915	0.04%	11.975.873	
578	VRC	49%	24.500.000	67.575	0.14%	24.432.425	
579	VRE	49%	1.141.121.020	450.276.334	19.33%	690.844.686	
580	VSC	49%	146.755.401	5.732.339	1.91%	141.023.062	
581	VSH	49%	115.758.210	28.123.051	11.9%	87.635.159	
582	VSI	49%	6.468.000	180.966	1.37%	6.287.034	
583	VTB	49%	5.871.204	209.719	1.75%	5.661.485	
584	VTO	49%	39.134.666	10.472.607	13.11%	28.662.059	
585	VTP	49%	59.673.690	8.282.737	6.8%	51.390.953	
586	YBM	49%	7.006.941	21.346	0.15%	6.985.595	
587	YEG	49%	93.982.997	15.399.058	8.03%	78.583.939	

Ghi chú:

(*): CK đã đăng ký niêm yết nhưng chưa giao dịch.

(**): Trường hợp số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm lớn hơn số lượng CK được niêm yết tại SGDCK (niêm yết một phần) thì số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm bằng số lượng CK niêm yết.

**TUQ. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
KT. TRƯỞNG BAN TTBT
PHÓ TRƯỞNG BAN**